

Số: 06 /BC-THCS

Tân An, ngày 26 tháng 5 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CÁC ĐIỀU
KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU- CHI TÀI CHÍNH

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt
động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THCS Tân An báo cáo công khai chất lượng giáo dục và đào tạo, các
điều kiện đảm bảo chất lượng và thu - chi tài chính như sau:

A. BÁO CÁO CÔNG KHAI THƯỜNG NIÊN:

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có).

- Tên trường: Trường THCS Tân An, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

2. Địa chỉ:

Xóm 2, thôn Đông Phan, xã Tân An, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0906069306

Website: <http://th-thcstanan@haiduong.edu.vn>

Email: <http://th-thcstanan@haiduong.edu.vn>

3. Loại hình, chức năng, nhiệm vụ:

Loại hình: Công lập.

Cơ quan chủ quản: UBND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1. Sứ mệnh

Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, nề nếp, kỷ cương, chất lượng để
mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, rèn luyện, phát triển hết tiềm năng, phát triển tài
năng của mình.

4.2. Tầm nhìn

Đến năm 2030, trường THCS Tân An có cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại, kiểm định chất lượng mức 3 và đạt Chuẩn quốc gia mức 2; là địa chỉ tin cậy về chất lượng giáo dục của nhân dân trong xã và vùng lân cận.

4.3. Mục tiêu:

4.3.1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nhà trường có chất lượng giáo dục cao, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ công hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển con người Việt nam toàn diện về Đức, Trí, Thể, Mỹ, hướng tới “công dân toàn cầu”.

4.3.2. Các mục tiêu cụ thể

- Xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, về cơ cấu, có phẩm chất đạo đức tốt, có lòng yêu nghề và năng lực sư phạm, đáp ứng yêu cầu dạy học theo chương trình và phương pháp mới.

- Thực hiện tốt chức năng quản lý giáo dục. Đổi mới công tác quản lý giáo dục phù hợp với việc đổi mới chương trình giáo dục.

- Nâng cấp cơ sở vật chất và thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa tương ứng với yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Tích cực đưa công nghệ thông tin vào quá trình dạy học.

- Đến 2030, trường có cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại, kiểm định chất lượng mức 3 và đạt Chuẩn quốc gia mức 2.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Trung học cơ sở Tân An, năm 1958 là trường An Phú gồm 2 xã Tân An và Thanh Hải. Tháng 9 năm 1959 tách ra là trường phổ thông cấp II Tân An. Ban đầu trường chỉ có một Hiệu trưởng và một giáo viên với học sinh của hai lớp 5. Những ngày đầu, các lớp học ở chùa Khánh Hưng rồi chuyển về Chùa Cả, đến năm 1975 trường mới được chuyển về địa điểm hiện nay.

Từ năm 1959 đến năm 1975 là thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, miền Bắc nói chung và Tân An nói riêng chịu ảnh hưởng nặng nề do chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Dưới sự lãnh đạo của thầy, cô Hiệu trưởng mà đầu tiên là thầy Bùi Quang Nghiệp, thầy Trần Hiếu, cô Lê Thanh Tịnh, thầy Đỗ Xuân Bạt, các thế hệ thầy cô giáo của trường đã không quản đường xa, gian khổ, bám lớp, bám trường, nhiệt tình, trang bị kiến thức, giáo dục nhân cách cho học sinh. Nhiều thế hệ học sinh đã trưởng thành từ mái trường này.

Từ sau ngày 30/04/1975, đất nước thống nhất, tiếp bước các thế hệ cha anh, các thầy Hiệu trưởng: thầy Đỗ Đức Vân, thầy Lê Văn Sâm, thầy Lê Văn Định; các

thầy Phó hiệu trưởng: thầy Nguyễn Đức Như, thầy Lê Xuân Xuyên, thầy Phạm Ngọc Tăng, đã không quản gian lao cùng với cán bộ, giáo viên đã làm cho nhà trường ngày càng đổi mới, chất lượng hai mặt giáo dục ngày một chuyển biến tích cực.

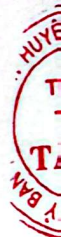
Từ tháng 8 năm 2008, thầy Nguyễn Sĩ An được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng, thầy Nguyễn Năng Lưu là Phó hiệu trưởng được chuyển từ Trường THCS Quyết Thắng về, Ban Giám hiệu đã cùng chi bộ, tập thể sư phạm cùng các lực lượng ở địa phương có thiện tâm với giáo dục đã làm cho trường lớp ngày một khang trang, chất lượng giáo dục ngày một nâng cao, nhiều năm trường đạt danh hiệu Tập thể lao động Tiên Tiến, đặt tiền đề vững chắc cho việc xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia.

Từ tháng 8 năm 2012, thầy Nguyễn Công Hồi chuyển về làm Hiệu trưởng, qua một năm đã làm kế tiếp một số phần việc. Tháng 8 năm 2013, thầy Nguyễn Sĩ An được cấp có thẩm quyền Quyết định trở lại trường để tiếp tục xây dựng trường chuẩn. Tháng 3 năm 2020, thầy Nguyễn Năng Lưu được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm làm Hiệu trưởng. Tháng 5 năm 2020, thầy Đinh Quang Đức được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm làm Phó hiệu trưởng. Tháng 8 năm 2021, thầy Nguyễn Văn Chính được chuyển từ trường THCS Thanh Hải về làm Hiệu trưởng.

Từ năm học 2010-2011, trường liên tục có giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy Giỏi cấp huyện, cấp tỉnh, đội tuyển học sinh Giỏi có nhiều giải cao, có nhiều học sinh Giỏi cấp trường, cấp huyện, cấp tỉnh, cấp quốc gia; Chi bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Liên đội nhà trường luôn đạt các danh hiệu thi đua được xã, huyện, tỉnh khen. Trường luôn giữ vững danh hiệu Tập thể lao động Tiên Tiến; khuôn viên nhà trường được quy hoạch lại, đảm bảo yêu cầu xanh - sạch

- đẹp - an toàn, cơ sở vật chất ngày một hoàn thiện. Ngày 24/6/2014 trường được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký Quyết định số 1551/QĐ-UBND công nhận trường THCS Tân An đạt chuẩn Quốc gia. Ngày 21/9/2014, Lễ đón bằng và kỷ niệm 55 ngày thành lập trường được tổ chức trọng thể mang lại niềm tin vui, tự hào cho cán bộ, nhân dân địa phương, ngành giáo dục huyện Thanh Hà và thầy trò trường THCS Tân An. Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh của nhà trường đã và đang nỗ lực phấn đấu để duy trì và phát huy danh hiệu trường chuẩn. Ngày 29 tháng 12 năm 2016 trường đã được Giám đốc Sở Giáo dục Đào tạo Hải Dương công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ III. Từ tháng 01 năm 2018 nhà trường tiến hành hoàn thiện các công việc của trường chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục theo 5 tiêu chuẩn, 28 tiêu chí, 84 chỉ báo để đón đoàn kiểm tra của tỉnh theo Quyết định số 440/QĐ-SGD&ĐT ngày 08/5/2019 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương và phấn đấu đạt các yêu cầu của trường chuẩn và kiểm định lần thứ 2 ở mức theo quy định.

Được sự quan tâm lãnh đạo chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các cơ



quan ban ngành, sự ủng hộ góp sức của toàn thể nhân dân địa phương, các nhà hảo tâm, các bậc CMHS... những thành tựu mà nhà trường đạt được rất đáng tự hào. Trải qua 65 năm xây dựng và phát triển, hiện nay nhà trường đã có đội ngũ đạt chuẩn 95.45% (trình độ đại học), trên chuẩn (Thạc sĩ). Tỷ lệ giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện, tăng qua từng năm, nhiều thầy cô được công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua. Sự vững mạnh của đội ngũ giáo viên đã tạo đà nâng cao chất lượng giáo dục. Chất lượng đại trà và đội tuyển học sinh giỏi cũng dần được khẳng định qua nhiều năm. Chất lượng thi vào lớp 10 THPT được giữ vững và nâng lên qua từng năm.

Qua nhiều năm phấn đấu, từ năm học 2019 - 2020 đến nay trường luôn được công nhận danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến.

Trường có tổ chức chi bộ Đảng gồm 18 đảng viên, luôn giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo trong toàn bộ hoạt động của nhà trường. Hàng năm chi bộ nhà trường đều hoàn thành tốt nhiệm vụ. Công đoàn nhà trường nhiều năm liền hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thường xuyên có những hoạt động chất lượng cao, được Công đoàn giáo dục huyện Thanh Hà biểu dương, khen thưởng. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh trong nhà trường hoạt động tích cực, sôi nổi, bổ ích, giành nhiều giải cao trong các hội thi cấp huyện như: Hội thi tiếng hát tuổi hồng, Tiếng hát dân ca, Tổng phụ trách Đội giỏi.... Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp, của trường đều có tinh thần trách nhiệm, góp phần cùng nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trường THCS Tân An cũng là nơi đào tạo cung cấp cho ngành giáo dục những giáo viên giỏi, cán bộ quản lý giỏi.

Đây là sự khẳng định về chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục của nhà trường trong những năm vừa qua, đồng thời cũng là tiền đề quan trọng để nhà trường xây dựng chiến lược phát triển trong giai đoạn sau với mục tiêu duy trì trường đạt chuẩn Quốc gia, tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phấn đấu, đã và sẽ trở thành một địa chỉ tin cậy của nhân dân, học sinh trên địa bàn xã.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Người đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Văn Chính

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THCS Tân An

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Số điện thoại: 0906069306

Email: nvchinh68@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

7.1. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có):

Quyết định số 46/QĐ-UB ngày 06/5/1995 của UBND huyện Nam Thanh về việc đổi tên trường Trung học cơ sở Tân An.

7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

Hội đồng trường nhiệm kỳ 2024-2029 được công nhận theo quy định tại Điều 20 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020TTBGDDT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT), Hội đồng trường được công nhận theo Quyết định số 186/QĐ-PGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Phòng GD&ĐT huyện Thanh Hà.

Hội đồng trường gồm 13 thành viên gồm:

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ công tác hiện nay	Chức vụ Hội đồng trường	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Chính	BTCB- Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Nguyễn Viết Thiện	Phó CT UBND Xã	Phó chủ tịch	
3	Phạm Thị Xuân	Thư kí HĐ	Thư ký	
4	Đình Quang Đức	Phó Hiệu trưởng	Thành viên	
5	Nguyễn Thị Yên	Chủ tịch công đoàn	Thành viên	
6	Phạm Thị Thanh Huyền	Bí thư chi đoàn	Thành viên	
7	Nguyễn Thị Ánh Dung	Tổ trưởng tổ KHTN	Thành viên	
8	Nguyễn Thị Xuyến	Tổ trưởng tổ KHXH	Thành viên	
9	Phạm Thị Vân	Kế toán	Thành viên	
10	Phạm Thị Lan	Trưởng ban TTND	Thành viên	
11	Cao Thị Thu Hà	Tổng phụ trách Đội	Thành viên	
12	Nguyễn Thị Giáng Hương	Hội trưởng hội CMHS	Thành viên	
13	Lê Thị Trà My	Lớp trưởng lớp 8B	Thành viên	

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục:

Hiệu trưởng: Nguyễn Văn Chính

+ Ngày tháng năm sinh: 12/8/1968

+ Luân chuyển và bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THCS Tân An ngày 06 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định số 4021/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND huyện Thanh Hà.

+ Thời gian làm Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay được 21 năm.

Phó hiệu trưởng: Đinh Quang Đức

+ Ngày tháng năm sinh: 07/10/1983

Bổ nhiệm lại giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS Tân An vào ngày 20/5/2025 theo quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 15/4/2025 của UBND huyện Thanh Hà.

+ Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay là 5 năm.

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy.

7.4.1. Cơ chế hoạt động của trường THCS Tân An

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

7.4.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường

Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh

đẹp, có điều kiện để xây dựng trường trở thành một trường THCS trọng điểm của địa bàn xã Tân An và các xã lân cận.

- Trường THCS Tân An là cơ sở giáo dục trung học cơ sở (THCS) của hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện Thanh Hà.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế-xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục (HĐGD); bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

+ 01 Hội đồng trường với 13 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 21 đảng viên.

+ Tổ chức Công đoàn có 25 công đoàn viên.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở

giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; (Có văn bản kèm theo).

II. ĐỘI NGŮ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN:

1. Số biên chế được UBND huyện Thanh Hà giao năm 2025:

Số biên chế được giao năm 2025: 26

Số biên chế hiện tại: 22

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	0	0	1	0	
Phó Hiệu trưởng	1	0	0	0	0	1	
Giáo viên	18	16	0	0	18	0	
Nhân viên	2	2	0	0	2	0	
Cộng	22	18	0	0	21	1	

2. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở Tân An năm học 2024-2025: (Biên chế: 22; NVHD: 01; GVHD: 02)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	TbS	DH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	25	0	1	24	1	0	0	5	13	2	20	0	0	0

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	25	0	1	24	1	0	0	5	13	2	20	0	0	0
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	20	0	0	17	1	0	0	5	12	1	20	0	0	0
1	Toán	3	0	0	3	0	0	0	0	3	0	3	0	0	0
2	KHTN	3	0	0	2	0	0	0	0	1	1	3	0	0	0
3	Công nghệ	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	1	0	0	0
4	Tin học	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0
5	Ngữ văn	4	0	0	4	0	0	0	1	3	0	4	0	0	0
6	Tiếng Anh	2	0	0	1	0	0	0	1	0	0	2	0	0	0
7	GDCD	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
8	Lịch sử-Địa lý	2	0	0	2	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0
9	GDTC	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0
10	NT (Mỹ Thuật)	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
11	NT (Âm nhạc)	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
12	HĐTN-HN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	GDDP	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Cán bộ quản lý	2	0	1	1	0	0	0	0	1	1	2	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0
III	Nhân viên	3	0	0	3	0	0	0							
1	NV văn thư	0	0	0	0	0	0	0							
2	NV kế toán	1	0	0	1	0	0	0							
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0							

TRƯỜNG THPT HẢI LŨNG

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	25	0	1	24	1	0	0	5	13	2	20	0	0	0
4	Nhân viên y tế	0	0	0	0	0	0	0							
5	NV thư viện	1	0	0	1	0	0	0							
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1	0	0	1	0	0	0							
4	NV hỗ trợ giáo dục NKT	0	0	0	0	0	0	0							
8	Nhân viên CNTT	0	0	0	0	0	0	0							

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường THCS Tân An năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	6	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	6	0,75
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	6	1,08
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	2/1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	36	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	6.987	16,06
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	3.440	7,9
VI	Tổng diện tích các phòng		

1	Diện tích phòng học (m ²)	324	0,74
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	472	1,08
3	Diện tích thư viện (m ²)	108	0.24
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	-
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	78	0.17
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	4	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	4	4/12
1.1	Khối lớp 6	1	1/3
1.2	Khối lớp 7	1	1/3
1.3	Khối lớp 8	1	1/3
1.4	Khối lớp 9	1	1/3
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
2.1	Khối lớp 6	0	0
2.2	Khối lớp 7	0	0
2.3	Khối lớp 8	0	0
2.4	Khối lớp 9	0	0
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	21	Số học sinh/bộ 20.7
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	12	1/1
2	Cát xét	0	0
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	0.006
5	Thiết bị khác...		

6			
---	-------	--	--

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	12	1/1
2	Cát xét	0	0
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	0.006
5	Thiết bị khác...		
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		x
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	

XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC:

Trường THCS Tân An đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng về mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Trường THCS Tân An đã tự đánh giá chất lượng giáo dục để xác định rõ trường đã đạt được ở cấp độ nào, từ đó đăng kí kiểm định chất lượng với cấp trên, để được công nhận, giúp nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa chất lượng giáo dục toàn diện.

Từng năm học, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá và nộp báo cáo tự đánh giá về Phòng GD&ĐT; Đồng thời thấy được ý nghĩa thiết thực của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây.

Trường THCS Tân An đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
6. Viết báo cáo tự đánh giá.
7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá gồm các thành viên với đầy đủ các thành phần: Cấp uỷ Chi bộ, BGH, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư đoàn trường, các tổ trưởng chuyên môn, các đồng chí CB, GV, NV phụ trách các hoạt động giáo dục có liên quan.

Phân công các thành viên trong nhóm công tác là những người trực tiếp phụ trách các hoạt động giáo dục nhà trường và đã công tác, giảng dạy nhiều năm tại trường.

Kết quả của quá trình tự đánh giá:

Thực hiện tự đánh giá, nhà trường đã nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra được kế hoạch cải tiến chất lượng để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Kỳ cương nền nếp được giữ vững, công tác quản lý được đổi mới và việc đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường chuẩn mực hơn.

Tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường đạt cấp độ 2 và đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 1.

Nhà trường nhận Quyết định công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo QĐ số 1311/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 31/5/2024

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm

Nhà trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1 (Quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 31/5/2024)

Năm học 2024 - 2025 tiếp tục chỉ đạo Cải tiến chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá. Lưu trữ hồ sơ, xây dựng, tu sửa cơ sở vật chất, nâng chất lượng các tiêu chuẩn, rà soát các chỉ số, tiêu chí theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành nhằm thực hiện quy trình và đúng tiên độ đánh giá chất lượng kiểm định chất lượng giáo dục, hiệu quả đồng thời nâng cao vai trò, trách nhiệm của đội ngũ trong thực hiện kế hoạch, các biện pháp cải tiến đảm bảo chất lượng giáo dục.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

1. Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở Tân An, năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Theo quy định của UBND huyện Thanh Hà và Phòng GD&ĐT Thanh Hà	Theo quy định của UBND huyện Thanh Hà và Phòng GD&ĐT Thanh Hà	Theo quy định của UBND huyện Thanh Hà và Phòng GD&ĐT Thanh Hà	Theo quy định của UBND huyện Thanh Hà và Phòng GD&ĐT Thanh Hà
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện chuẩn KT-KN theo CTGDPT 2018 của Bộ GD&ĐT	Thực hiện chuẩn KT-KN theo CTGDPT 2018 của Bộ GD&ĐT	Thực hiện chuẩn KT-KN theo CTGDPT 2018 của Bộ GD&ĐT	Thực hiện chuẩn KT-KN theo CTGDPT 2018 của Bộ GD&ĐT
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập
IV	Các hoạt động hỗ	Hoạt động TN-	Hoạt động TN-	Hoạt động TN-	Hoạt động TN-

	trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	HN, lao động, hoạt động tư vấn học tập, tư vấn tâm lý.	HN, lao động, hoạt động tư vấn học tập, tư vấn tâm lý.	HN, lao động, hoạt động tư vấn học tập, tư vấn tâm lý.	HN, lao động, hoạt động tư vấn học tập, tư vấn tâm lý.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Năng lực, phẩm chất được đánh giá từ Đạt trở lên. - Học tập đánh giá từ Đạt trở lên. - Sức khỏe đạt 95%trở lên.	- Năng lực, phẩm chất được đánh giá từ Đạt trở lên. - Học tập đánh giá từ Đạt trở lên. - Sức khỏe đạt 95%trở lên.	- Năng lực, phẩm chất được đánh giá từ Đạt trở lên. - Học tập đánh giá từ Đạt trở lên. - Sức khỏe đạt 95%trở lên.	- Năng lực, phẩm chất được đánh giá từ Đạt trở lên. - Học tập đánh giá từ Đạt trở lên. - Sức khỏe đạt 95%trở lên.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Học đủ 4 năm bậc THCS	Học đủ 3 năm bậc THCS	Học đủ 2 năm bậc THCS	Hoàn thành chương trình bậc THCS, TN.THCS và vào lớp 10 THPT hệ công lập

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở Tân An năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Tổng số	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
I	Số học sinh chia theo KQ rèn luyện	434	110	100	136	100	91	100	97	100
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	312	81	73,64	94	69,12	56	61,54	81	83,51
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	114	23	20,91	41	30,15	34	37,36	16	16,49
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	7	5	4,541	1	0,73	1	1,10	0	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1	1	0,909	0	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo KQ học tập	434	110	100	136	100	91	100	97	100
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	137	38	34,55	50	36,76	13	14,29	36	37,11
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	186	41	37,27	52	38,24	47	51,65	46	47,42
3	Đạt	105	27	24,55	34	25	29	31,87	15	15,47

ÊN T
TRƯC
THC
ÂN
17 ★

	(tỷ lệ so với tổng số)									
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	6	4	3,630	0	0	2	2,1	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	434	110	100	136	100	91	100	97	100
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	428	106	96,36	136	100	88	96,7	97	100
2	Thì lại (tỷ lệ so với tổng số)	5	3	2,727			2	2,197		
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	1	1	0,909						
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	4	1	0,909			1	1,098	2	2,061
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)									
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	3	1	0,909			2	2,197		
IV	Số học sinh đạt giải kỳ thi Giao lưu học sinh giỏi									
1	Cấp huyện	27	6		8		13			
2	Cấp tỉnh/thành phố									
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế									
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	98							98	
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	98							98	
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng									

	(tỷ lệ so với tổng số)									
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	248/186	69/41		75/61		49/42		56/42	
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	2	0		0		1		1	

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

1.1. Các khoản thu ngân sách phân theo:

* **Tổng thu nguồn ngân sách: 4.860.511.325đồng.** Trong đó:

- **Nguồn kinh phí không giao tự chủ: 36.886.000đồng**

+ Ngân sách nhà nước: 36.886.000đồng

- **Nguồn kinh phí giao tự chủ: 4.789.958.000đồng**

+ Ngân sách nhà nước: 4.789.958.000đồng

- **Nguồn kinh phí cấp sau 30/9: 33.667.325đồng**

+ Ngân sách nhà nước: 33.667.325đồng

1.2. Các khoản chi ngân sách phân theo:

1.2.1 Nguồn kinh phí không giao tự chủ: 36.886.000đồng

- Chi hỗ trợ đối tượng chính sách CPHT: 6.000.000đồng

- Chi thanh toán cho cá nhân: 4.200.000đồng

- Chi khác: 26.686.000đồng

1.2.2 Nguồn kinh phí giao tự chủ: 4.789.958.000đồng

- Chi tiền lương: 2.469.376.760đồng

- Chi tiền công HĐ: 86.127.452đồng

- Chi phụ cấp lương: 1.340.768.760đồng

- Chi tiền thưởng: 12.780.000đồng

- Chi các khoản đóng góp: 709.391.260đồng

- Chi dịch vụ công cộng: 29.857.432đồng

- Chi vật tư văn phòng: 6.875.000đồng

- Chi thông tin, tuyên truyền, liên lạc: 3.975.000đồng

- Chi công tác phí: 4.811.024đồng

- Chi phí thuê mướn: 29.491.312đồng
- Chi sửa chữa, duy tu TS: 10.299.000đồng
- Chi chuyên môn: 23.500.000đồng
- Chi mua tài sản vô hình : 12.000.000đồng
- Chi khác : 50.705.000đồng

1.2.3 Nguồn kinh phí cấp sau 30/9: 33.667.325đồng

- Chi phụ cấp lương :20.357.325đồng
- Chi hỗ trợ đối tượng chính sách CPHT : 6.000.000đồng
- Chi khác : 7.310.000đồng

1.3 Nguồn học phí: 459.070.550đồng

- Số dư năm trước chuyển sang: 137.940.550đồng
- Tổng thu năm 2024: 321.130.000đồng

1.4. Các khoản chi nguồn học phí phân theo: 281.609.126đồng

- Chi thường xuyên: 277.692.326đồng
- Chi công tác quản lý: 3.916.800đồng
- Số dư chuyển sang năm 2025: 177.461.424đồng.

1.5 Tổng thu – chi các nguồn khác:

+ Tiền vệ sinh trường lớp:

- Số dư năm trước chuyển sang: 29.346.660đồng
- Tổng thu năm 2024: 56.680.000đồng
- Nội dung chi năm 2024: Chi tiền vệ sinh trường, lớp, mua đồ dùng dụng cụ vệ sinh, nước lau sàn, tẩy rửa...: 51.722.258đồng
- Số dư chuyển sang năm 2025: 34.304.402đồng

+ Tiền xe đạp:

- Số dư năm trước chuyển sang: 15.920.000đồng
- Tổng thu năm 2024: 20.000.000đồng
- Nội dung chi năm 2024: Chi tiền công trông xe đạp, nộp thuế TNDN, GTGT, chi công tác quản lý thu - chi: 34.358.000đồng
- Số dư chuyển sang năm 2025: 1.562.000đồng

+ Tiền Sổ LLĐT:

- Số dư năm trước chuyển sang: 15.600.000đồng
- Tổng thu năm 2024: 55.590.000đồng

- Nội dung chi năm 2024: Chi trả tiền mua PM, kinh phí nhập liệu PM:
71.190.000đồng

- Số dư chuyển sang năm 2025: 0đồng

+ Tiền nước uống tinh khiết:

- Số dư năm trước chuyển sang: 1.050đồng

- Tổng thu năm 2024: 25.095.000đồng

- Nội dung chi năm 2024: Chi trả tiền nước uống: 25.096.050đồng

- Số dư chuyển sang năm 2025: 0đồng

+ Tiền Bảo hiểm thân thể:

- Tổng thu năm 2024: 83.900.000đồng

- Nội dung chi năm 2024: Nộp về cơ quan BH Bảo Việt: 83.900.000đồng

+ Tiền Bảo hiểm y tế:

- Tổng thu năm 2024: 351.559.278đồng

- Nội dung chi năm 2024: Nộp về cơ quan Bảo hiểm huyện Thanh Hà:
351.559.278đồng

+ Tiền Chăm sóc sức khỏe ban đầu:

- Số dư năm trước chuyển sang: 11.935.628đồng

- Tổng thu năm 2024: 17.739.000đồng

- Nội dung chi năm 2024: Chi tiền khám sức khỏe cho học sinh:
6.825.000đồng

- Số dư chuyển sang năm 2025: 22.849.628đồng

+ Tiền lãi ngân hàng: 42.971đồng

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

+ Các khoản thu trong năm học 2024-2025:

- Học phí: 85.000đồng/học sinh/tháng

- Xe đạp: 10.000đồng/học sinh/tháng

- Nước uống học kì 1: 7.000đồng/học sinh/tháng

- Sổ LLĐT: 90.000đồng/học sinh/năm học

- Vệ sinh trường, lớp: 140.000đồng/học sinh/năm học

- BHTT: 200.000đồng/học sinh/năm học

- BHYT: 884.520/học sinh/năm



- Đồng phục: - Khối 6: áo sơ mi: 115.000đ/áo, áo khoác: 193.000đ/áo; bộ thể thao: 214.000đ/áo

- Học kỹ năng sống: 12.000đ/tiết

- Dạy thêm, học thêm: 7.000đ/tiết

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học: Thực hiện kịp thời và đúng theo qui định

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

Số dư các quỹ theo quy định:

- Ngân sách nhà nước : 0

- Học phí : 177.461.424đồng

- Thu khác : 56.964.918đồng

+ Tiền gửi xe đạp: 1.562.000đồng

+ Tiền lãi ngân hàng: 42.971đồng

+ Tiền vệ sinh trường, lớp: 32.304.402đồng

+ Tiền kỹ năng sống: 205.917đồng

+ Tiền CSSKBD: 22.849.628đồng

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

B. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI

1. Hình thức

Tổ chức công khai trong hội đồng sư phạm bằng hình thức niêm yết, thông báo, đưa lên cổng thông tin của trường.

Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường. Phụ huynh yên tâm khi đưa con đến trường, chất lượng giáo dục chuyển biến tốt, tạo thương hiệu của trường về chất lượng.

2. Thời điểm công khai

Về cam kết chất lượng, chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính đăng tải và niêm yết thông báo từ đầu tháng 8/2024.

Riêng dự toán thu chi tài chính 2025 thông báo và đăng tải ngay sau khi có quyết định phân bổ ngân sách của UBND huyện Thanh Hà.

- Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học mới (tháng 9 năm 2024) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện

niêm yết công khai tại trường ít nhất 15 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét.

- Đối với học sinh tuyển mới: Phổ biến hướng dẫn tuyển sinh và các thông báo đến phụ huynh học sinh trước khi trường thực hiện tuyển sinh.

- Đối với học sinh đang học tại trường: Tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới để thông báo chi tiết.

Các năm về sau vẫn thực hiện theo hình thức và thời gian, thời điểm như năm học trước.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- Thông báo (niêm yết);
- Lưu: KT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Chính